ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1665 /QĐ-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 3314/SNNMT-TCCB ngày 29/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục **293** thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể:

I. TTHC cấp tỉnh (287 TTHC)

1. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật: 17 TTHC;
2. Lĩnh vực Trồng trọt: 21 TTHC;
3. Lĩnh vực Chăn nuôi: 17 TTHC;
4. Lĩnh vực Thú y: 18 TTHC;
5. Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường: 02 TTHC;
6. Lĩnh vực Nông nghiệp (khuyến nông): 03 TTHC;
7. Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm: 24 TTHC;
8. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn: 05 TTHC;
9. Lĩnh vực Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai: 04 TTHC;
10. Lĩnh vực Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thuỷ sản: 07 TTHC;
11. Lĩnh vực Thuỷ lợi và Quản lý công sản: 21 TTHC;
12. Lĩnh vực Đất đai: 31 TTHC;
13. Lĩnh vực Thuỷ sản: 32 TTHC;
14. Lĩnh vực Tài nguyên nước: 24 TTHC;
15. Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản: 23 TTHC;

16. Lĩnh vực Môi trường: 15 TTHC;
17. Lĩnh vực Khí tượng Thuỷ văn: 05 TTHC;
18. Lĩnh vực Đo đạc và Bản đồ: 02 TTHC;
19. Lĩnh vực Biển và Hải đảo: 16 TTHC;

II. TTHC cấp xã (06 TTHC)

20. Lĩnh vực Giảm nghèo: 04 TTHC;
21. Lĩnh vực Quản lý công sản: 02 TTHC.

(Có Danh mục TTHC kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh căn cứ các TTHC ban hành kèm theo Quyết định này trong thời hạn 03 ngày làm việc công khai, địa phương hóa các TTHC trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC (csdl.dichvucong.gov.vn); trong vòng 20 ngày làm việc xây dựng dự thảo Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh; UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT; KH&CN;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC_4.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Nguyễn Hồng Lĩnh

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
I.	**LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT**						
1.	1.	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật cấp tỉnh	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi	
2.	2.	1.004363	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi	
3.	3.	1.004346	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi	
4.	4.	1.003984	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng Kiểm dịch thực vật	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi	
5.	5.	1.007931	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi/Cơ quan chuyên ngành	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						bảo vệ và kiểm dịch thực vật được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao thực hiện thủ tục hành chính	
6.	6.	1.007932	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi /Cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật được Sở Nông nghiệp Môi trường giao thực hiện thủ tục hành chính	
7.	7.	1.007933	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Trồng trọt và Chăn nuôi /Cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật được Sở Nông nghiệp và Môi trường giao thực hiện thủ tục hành chính	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
8.	8.	2.001236	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
9.	9.	1.003971	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
10.	10.	1.004493	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
11.	11.	1.004546	Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
12.	12.	1.004524	Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
13.	13.	1.007926	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
14.	14.	1.007927	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						tỉnh giao thực hiện TTHC	
15.	15.	1.007928	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
16.	16.	1.007929	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
17.	17.	1.003395	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
II.	**LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**						
18.	1.	1.012075	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ (UBND tỉnh đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						gia được giao quản lý; nhiệm vụ khoa học và công nghệ do UBND tỉnh phê duyệt hoặc cơ quan, tổ chức đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình phê duyệt).	
19.	2.	1.012074	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Đại diện chủ sở hữu nhà nước (Chủ tịch UBND tỉnh đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được giao quản lý; nhiệm vụ khoa học và công nghệ do UBND tỉnh phê duyệt hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức đối với	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình phê duyệt).	
20.	3.	1.012004	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh,	
21.	4.	1.012003	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
22.	5.	1.012002	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
23.	6.	1.012001	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
24.	7.	1.012000	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
25.	8.	1.011999	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân				
26.	9.	1.008003	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
27.	10.	1.010090	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
28.	11.	1.007998	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
29.	12.	1.012072	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
30.	13.	1.012071	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ.	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
31.	14.	1.012073	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
32.	15.	1.012070	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc.	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
33.	16.	1.012063	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
34.	17.	1.012064	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
35.	18.	1.012062	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại	Công bố mới	Cấp tỉnh		

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			diện quyền đối với giống cây trồng			Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
36.	19.	1.011998	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
37.	20.	1.007999	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng).	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
38.	21.		Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt	Công bố mới	Cấp tỉnh		

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
		1.007994	lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại.			Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
III.	**LĨNH VỰC CHĂN NUÔI**						
39.	1.	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
40.	2.	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
41.	3.	1.008129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
42.	4.	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
43.	5.	1.012835	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Tài chính	
44.	6.	1.012832	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
45.	7.	1.012833	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			đầu tư theo Luật Đầu tư công				
46.	8.	1.012834	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
47.	9.	1.008122	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
48.	10.	3.000127	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh tỉnh giao thực hiện TTHC	
49.	11.	3.000128	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
50.	12.	3.000129	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
51.	13.	3.000130	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
52.	14.	1.008124	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
53.	15.	1.008125	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
54.	16.	1.011031	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
55.	17.	1.011032	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
IV.	**LĨNH VỰC THÚ Y**						
56.	1.	1.011475	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
57.	2.	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh	
58.	3.	1.002338	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn tỉnh	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh hoặc Trạm thuộc Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được ủy quyền	
59.	4.	1.011478	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh	
60.	5.	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh	
61.	6.	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng;	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)				
62.	7.	1.011477	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh	
63.	8.	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh	
64.	9.	1.011479	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh	
65.	10.	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)				
66.	11.	1.004756	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
67.	12.	1.004734	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
68.	13.	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
69.	14.	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)			tỉnh giao thực hiện TTHC	
70.	15.	1.003703	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
71.	16.	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
72.	17.	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
73.	18.	1.011326	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			thuốc thú y có chứa chất ma tuý, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)			tỉnh giao thực hiện TTHC	
74.	19.		Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma tuý, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
75.	20.		Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma tuý, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Công bố mới	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao thực hiện TTHC	
V.	**LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**						
76.	1.	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
77.	2.	1.009478	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành			quản lý chuyên ngành được UBND tỉnh chỉ định	
VI.	**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP (KHUYẾN NÔNG)**						
78.	1.	1.003388	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 15/3/2022	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
79.	2.	1.003371	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
80.	3.	1.003618	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông cấp tỉnh	
VII.	**LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM**						
81.	1.	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp tại địa phương do Chủ tịch UBND	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						tỉnh giao nhiệm vụ	
82.	2.	1.012687	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
83.	3.	1.011470	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	
84.	4.	3.000198	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan quản lý nhà nước về kiểm lâm hoặc lâm nghiệp cấp tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường (đối với trường hợp địa phương không có Cơ	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						quan quản lý nhà nước về kiểm lâm hoặc lâm nghiệp cấp tỉnh)	
85.	5.	1.007918	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
86.	6.	1.007916	Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
87.	7.	1.000084	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
88.	8.	1.000081	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
89.	9.	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Ban điều hành Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	
90.	10.	1.000058	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
91.	11.	1.000055	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
92.	12.	1.012692	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			rừng sang mục đích khác				
93.	13.	1.012691	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
94.	14.	1.012689	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
95.	15.	1.012690	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
96.	16.	1.012413	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
97.	17.	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan quản lý nhà nước về kiểm lâm cấp tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường ở địa phương không có cơ	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						quan quản lý nhà nước về kiểm lâm cấp tỉnh	
98.	18.	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan Kiểm lâm sở tại	
99.	19.	3.000152	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan quản lý nhà nước về kiểm lâm cấp tỉnh hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường ở địa phương không có cơ quan quản lý nhà nước về kiểm lâm cấp tỉnh	
100.	20.	1.004815	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	- Cơ quan quản lý nhà nước về kiểm lâm cấp tỉnh (đối với trường hợp đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thực vật	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			thuộc Phụ lục II và III CITES			rừng, động vật rừng Nhóm II và các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục II, III CITES không phải loài thủy sản; - Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh (đối với trường hợp đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục II CITES)	
101.	21.	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan chuyên môn về kiểm lâm cấp huyện hoặc Cơ quan quản lý nhà nước về kiểm lâm cấp tỉnh ở những địa phương không	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						có Cơ quan chuyên môn về kiểm lâm cấp huyện (Cơ quan kiểm lâm sở tại)	
102.	22.	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản.	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan chuyên môn về kiểm lâm cấp huyện hoặc Cơ quan quản lý nhà nước về kiểm lâm cấp tỉnh ở những địa phương không có Cơ quan chuyên môn về kiểm lâm cấp huyện (Cơ quan kiểm lâm sở tại)	
103.	23.	3.000179	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường/Cơ quan chuyên môn được Chủ tịch UBND tỉnh giao giải quyết TTHC	
104.	24.	3.000180	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng			trường/Cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao giải quyết TTHC	
VIII.	**LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**						
105.	1.	1.003727	Công nhận làng nghề truyền thống	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
106.	2.	1.003712	Công nhận nghề truyền thống	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
107.	3.	1.003695	Công nhận làng nghề	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
108.	4.	1.003524	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Chi cục PTNT&QLCL	
109.	5.	1.003397	Hỗ trợ dự án liên kết	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp Tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
IX.	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI**						
110.	1.	1.008410	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ				
111.	2.	1.008409	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
112.	3.	1.008408	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của UBND các cấp tỉnh, thành phố trực thuộc cấp Trung ương	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
113.	4.		Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của UBND cấp tỉnh	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
X.	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**						

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
114.	1.	2.001730	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Các Chi cục chuyên ngành của Sở Nông nghiệp và Môi trường	
115.	2.	2.001726	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Các Chi cục chuyên ngành của Sở Nông nghiệp và Môi trường	
116.	3.	1.003111	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	
117.	4.	1.003082	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	
118.	5.	1.003058	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Chi cục Phát triển nông thôn	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			phẩm phục vụ quản lý nhà nước			và Quản lý chất lượng	
119.	6.	2.001254	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	
120.	7.	1.002996	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	
XI.	**LĨNH VỰC THUỶ LỢI VÀ QUẢN LÝ CÔNG SẢN**						
121.	1.	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
122.	2.	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm		Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			vi bảo vệ công trình thuỷ lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025			
123.	3.	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
124.	4.	2.001793	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
125.	5.	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
126.	6.	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
127.	7.	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
128.	8.	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
129.	9.	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
130.	10.	1.003870	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
131.	11.	1.003867	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh quản lý.	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
132.	12.	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh				
133.	13.	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
134.	14.	2.001804	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND cấp tỉnh quản lý	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
135.	15.	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
136.	16.	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
137.	17.	1.003211	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
138.	18.	1.003203	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh				
139.	19.	1.003188	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
140.	20.		Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Công bố mới	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
141.	21.		Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Công bố mới	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
XVI.	**LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI**						
142.	1.	1.012790	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh	
143.	2.	1.012821	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	(1) Chủ tịch UBND tỉnh. (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh.	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
144.	3.		Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất.	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	(1) UBND tỉnh (2) Chủ UBND tỉnh (3) Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh (4) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (5) Cơ quan thuế (nếu có)	
145.	4.	1.012760	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	(1) UBND tỉnh (2) Chủ tịch UBND tỉnh (3) Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						môi trường cấp tỉnh (4) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (5) Cơ quan thuế (nếu có)	
146.	5.		Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	(1) UBND tỉnh (2) Chủ tịch UBND tỉnh (3) Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh (4) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						(5) Cơ quan thuế (nếu có)	
147.	6.	1.012763	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	(1) UBND tỉnh (2) Chủ tịch UBND tỉnh (3) Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh (4) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (5) Cơ quan thuế (nếu có)	
148.	7.	1.012804	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	(1) UBND tỉnh (2) Chủ tịch UBND tỉnh (3) Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
						môi trường cấp tỉnh (4) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (5) Cơ quan thuế (nếu có)	
149.	8.	1.012788	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	(1) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh (2) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (3) Cơ quan thuế	
150.	9.	1.012764	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	(1) Chủ tịch UBND tỉnh. (2) Cơ quan có chức năng quản	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư			lý đất đai cấp tỉnh.	
151.	10.	1.012803	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	(1) Chủ tịch UBND tỉnh. (2) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh.	
152.	11.	1.012756	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	
153.	12.	1.012766	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	
154.	13.	1.012793	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Văn phòng Đăng ký đất đai	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			doanh của doanh nghiệp				
155.	14.	1.012781	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	- Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai - UBND cấp xã - Cơ quan thuế (nếu có)	
156.	15.	1.012783	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	- Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai - Cơ quan thuế (nếu có)	
157.	16.	1.012784	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	- Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai - Cơ quan thuế (nếu có)	
158.	17.	1.012786		Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	- Văn phòng Đăng ký đất	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất			đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai - UBND cấp xã	
159.	18.	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	- Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai - Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh	
160.	19.	1.012785	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	- Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai - UBND cấp xã - Cơ quan thuế (nếu có)	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
161.	20.	1.012787	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	- Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai - Cơ quan thuế (nếu có)	
162.	21.	1.012765	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	- Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai - Cơ quan thuế (nếu có)	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm				
163.	22.	1.012768	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề;	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	- Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai - Cơ quan thuế (nếu có)	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên				
164.	23.	1.012770	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	- Văn phòng đăng ký đất đai - Cơ quan thuế (nếu có)	
165.	24.		Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa				

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
		1.012772	thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	- Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai - Cơ quan thuế (nếu có)	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài				
166.	25.	1.012795	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	- Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
167.	26.	1.012815	Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	
168.	27.	1.012769	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	- Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai - Cơ quan thuế (nếu có)	
169.	28.	1.012789	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	- Văn phòng Đăng ký đất đai/Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	
170.	29.	1.012782	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân,	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận			Văn phòng đăng ký đất đai (2) Cơ quan thuế (nếu có)	
171.	30.	1.012813	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	(1) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (2) Cơ quan thuế (nếu có)	
172.	31.	1.012808	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	(1) UBND cấp xã; (2) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
XVII.	**LĨNH VỰC THUỶ SẢN**						
173.	1.	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã/phường trở lên)	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
174.	2.	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã/phường trở lên)	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
175.	3.	1.004918	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thuỷ sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Thủy sản	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
176.	4.	1.004915	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Thủy sản	
177.	5.	1.004913	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Thủy sản	
178.	6.	1.004697	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Thủy sản	
179.	7.	1.004694	Công bố mở cảng cá loại 2	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Thủy sản	
180.	8.	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Thủy sản	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
181.	9.	1.004684	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Thủy sản	
182.	10.	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước Quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Thủy sản	
183.	11.	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Thủy sản	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
184.	12.	1.004359	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Thủy sản	
185.	13.	1.004344	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Thủy sản	
186.	14.	1.004056	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thay thế cụm từ "Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" bằng cụm từ "Sở Nông nghiệp và Môi trường"
187.	15.	1.003681	Xóa đăng ký tàu cá	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Thủy sản	
188.	16.	1.003666	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Thủy sản	
189.	17.	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Thủy sản	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
190.	18.	1.003634	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Thủy sản	
191.	19.	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cấp tỉnh	Chi cục Thủy sản	
192.	20.	1.003593	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/04/2025	Cơ quan khác	Tổ chức quản lý cảng cá cấp tỉnh, thành phố ven biển	
193.	21.	1.004943	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao	
194.	22.	1.004929	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao	
195.	23.	1.004794	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
196.	24.	1.004683	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thuỷ sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thuỷ sản	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao	
197.	25.	1.004678	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thuỷ sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý)	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	
198.	26.	1.004669	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thuỷ sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao	
199.	27.	1.004654	Công bố mở cảng cá loại I	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
200.	28.	2.001694	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thuỷ sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao	
201.	29.	1.003851	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thuỷ sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao	
202.	30.	1.003741	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao	
203.	31.	1.003726	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	Chưa công bố	Cấp tỉnh	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh giao	
204.	32.	2.000873	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật	Quyết định số 699/QĐ-UBND	Cấp tỉnh	Chi cục Thủy sản	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh	ngày 04/04/2025			
XVIII.	**LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC**						
205.	1.	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m^3/ngày đêm	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
206.	2.	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m^3/ngày đêm	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
207.	3.	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m^3/ngày đêm	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
208.	4.	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m^3/ngày đêm	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
209.	5.	1.004179	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025)	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
210.	6.	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
211.	7.	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
212.	8.	-	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
213.	9.	1.009669	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
214.	10.	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
215.	11.	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
216.	12.	1.004122	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
217.	13.	2.001738	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
218.	14.	1.004253	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
219.	15.	1.011516	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
220.	16.	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			nguyên nước				
221.	17.	2.001850	Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
222.	18.	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
223.	19.	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
224.	20.	1.012502	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
225.	21.	1.012505	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy ph2.001770ép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			phê duyệt tiền cấp quyền				
226.	22.	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Sở NN&MT	Sở NN&MT	
227.	23.	1.012504	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Sở NN&MT	Sở NN&MT	
228.	24.	1.012498	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
XIX.	**LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN**						
229.	1.	1.005408	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
230.	2.	1.004481	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
231.	3.	2.001814	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
232.	4.	1.004446	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
233.	5.	1.004434	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
234.	6.	1.004433	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
235.	7.	2.001787	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
236.	8.	1.004367	Đóng cửa mỏ khoáng sản	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
237.	9.	2.001783	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
238.	10.	2.001781	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
239.	11.	1.004345	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
240.	12.	1.004343	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
241.	13.	2.001777	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
242.	14.	1.004135	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
243.	15.	1.004132	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch				
244.	16.	1.004083	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
245.	17.	1.000778	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
246.	18.	1.013321	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
247.	19.	1.013322	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
248.	20.	1.013323	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
249.	21.	1.013324	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
250.	22.	1.013326	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
251.	23.	1.013325	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
XX.	**LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**						
252.	1.	1.010733	Thẩm định và phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
253.	2.	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường (CTPHMT) trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)				
254.	3.	1.010.727	Cấp giấy phép môi trường	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
255.	4.	1.010.728	Cấp đổi giấy phép môi trường	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
256.	5.	1.010.729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
257.	6.	1.010.730	Cấp lại giấy phép môi trường	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
258.	7.	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
259.	8.	1.008672	Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
260.	9.	1.008672	Cấp giấy phép khai thác loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
261.	10.	1.004160	Đăng ký tiếp cận nguồn gen	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
262.	11.	1.004150	Cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
263.	12.	1.004096	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
264.	13.	1.004117	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
265.	14.	1.008603	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
266.	15.	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
XXI.	**LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN**						
267.	1.	1.000987	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
268.	2.	1.000970	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
269.	3.	1.000943	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
270.	4.	-	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			trong địa giới hành chính của tỉnh.				
271.	5.	-	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh.	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
XX	**LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**						
272.	1.	1.000049	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
273.	2.	1.011671	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
XXIV.	**LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO**						
274.	1.	1.005401	Giao khu vực biển	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
275.	2.	1.004935	Gia hạn giao khu vực biển	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
276.	3.	1.005400	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
277.	4.	1.005399	Trả lại khu vực biển	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
278.	5.	1.009481	Công nhận khu vực biển	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
279.	6.	1.005189	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
280.	7.	2.000472	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
281.	8.	1.000969	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
282.	9.	1.000942	Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
283.	10.	2.000444	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
284.	11.	1.013127	Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cấp tỉnh	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
285.	12.	1.005181	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Sở NN&MT	Sở NN&MT	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			nguyên, môi trường biển và hải đảo				
286.	13.	-	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
287.	14.	-	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
288.	15.	-	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
289.	16.	-	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	Cấp tỉnh	UBND tỉnh	
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ							
I.	**LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO**						
290.	1.	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 14/6/2025	Cấp xã	UBND cấp xã	Thay thế cụm từ "Công chức Văn hóa - Xã hội" thành "Công chức phòng Kinh

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
							tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị" tại TTHC này
291.	2.	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 14/6/2025	Cấp xã	UBND cấp xã	Thay thế cụm từ "Công chức Văn hóa - Xã hội" thành "Công chức phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị" tại TTHC này
292.	3.	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 14/6/2025	Cấp xã	UBND cấp xã	Thay thế cụm từ "Công chức Văn hóa - Xã hội" thành "Công chức phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị" tại TTHC này
293.	4.		Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 14/6/2025	Cấp xã	UBND cấp xã	Thay thế cụm từ "Công chức Văn hóa - Xã hội" thành "Công chức phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị" tại TTHC này
II.	**QUẢN LÝ CÔNG SẢN**						
294.	5.	3.000327	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Công bố mới	Cấp xã	UBND cấp xã	
295.	6.	3.000326	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu	Công bố mới	Cấp xã	UBND cấp xã	

STT		Mã số TTHC	Tên TTHC	Quyết định đã công bố	Cấp thực hiện	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
			hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại				